TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 4 -2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên Tòa*:* Bà Trương Hồng Diễm – kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2021, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Quách Thị Kiều M, sinh năm: 1998 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: anh Lương Hoàng T, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp K, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Quách Thị Kiều M trình bày: chị và anh T tự tìm hiểu quen biết trước, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau anh T sinh tật không lo chí thú làm ăn, nhậu nhẹt bê tha, vợ chồng thường xuyên cải nhau. Chị và anh T đã không còn chung sống vợ chồng với nhau từ tháng 8 năm 2020 cho đến

nay. Xét thấy chị và anh T không thể tiếp tục chung sống được nữa nên yêu cầu ly hôn với anh T. Về con chung, chị và anh T có một con chung tên Lương An N, sinh ngày 25/02/2019, hiện con đang sống với anh T. Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lương Hoàng T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân của chị M và anh T là hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G chứng nhận kết hôn. Chị M cho rằng anh T ham mê cờ bạc không lo chí thú làm ăn nên giữa chị và anh thường xuyên cải nhau và đã tìm mọi biện pháp để hàn gắn nhưng không có kết quả. Đến tháng 8 năm 2020, giữa chị và anh T đã ly thân nhau cho đến nay. Anh T không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị M nên có căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn anh T là có cơ sở, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị M được ly hôn anh T

Về con chung, chị M xác định chị và anh T có một con chung tên Lương An N, sinh ngày 25/02/2019, hiện cháu N đang sống cùng ông bà nội và anh T. Chị M yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét thấy cháu N dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi giao cho mẹ nuôi. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được quyền nuôi con của chị M. Về yêu cầu cấp dưỡng, do chị M không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: chị M không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

Về án phí, buộc chị M phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: chị Quách Thị Kiều M khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung với anh Lương Hoàng T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và anh Lương Hoàng T có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Quách Thị Kiều M và anh Lương Hoàng T với tư cách là nguyên đơn và bị đơn trong vụ kiện, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt . Riêng anh T, Tòa án nhân

dân huyện Giồng Riềng đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa cho anh T nhưng anh T không giao nộp bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị M và không có mặt tại phiên Tòa xét xử nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt chị M và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Quách Thị Kiều M và anh Lương Hoàng T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp. Theo chị M trình bày, thời gian đầu vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng dần về sau anh T không lo chí thú làm ăn nhậu nhẹt bê tha. Từ đó, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và ngày càng trở nên trầm trọng. Chị và anh T đã ly thân nhau từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"*. Nhưng anh T không có ý kiến phản đối gì với yêu cầu khởi kiện của chị M. Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi chị M khởi kiện xin ly hôn, anh T biết nhưng cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chứng tỏ rằng anh T, chị M đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Đây là căn cứ để xác định mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng nên chị M yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị M được ly hôn anh T.

[2.2] Về con chung, chị M xác định chị và anh T có một con chung tên Lương An N, sinh ngày 25/02/2019. Anh T không có ý kiến gì về con nên Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu chứng cứ là giấy khai sinh của cháu N do chị M cung cấp thể hiện cháu N là con của chị M và anh T nên có căn cứ xác định cháu Nhiên là con chung của anh chị. Xét yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con của chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng con dưới 36 tháng tuổi nên về nguyên tắc giao cho mẹ nuôi, chỉ có người mẹ mới đảm bảo việc chăm sóc cho con phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần. Anh T cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị M. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị M.

[2.3] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cũng như về tài sản và nợ chung, chị M không yêu cầu và anh T cũng không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, Khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu,

miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Án phí ly hôn sơ thẩm chị M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002108 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 14, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 , Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Quách Thị Kiều M được ly hôn anh Lương Hoàng T.

2. Về con chung: Giao cháu Lương An N, sinh ngày: 25/02/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có quyền đến thăm nom, chăm sóc, dạy dỗ con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Buộc chị Quách Thị Kiều M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002108 ngày 22 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm, không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương